

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 3082/QĐ-UBND

Biên Hòa, ngày 22 tháng 10 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Phê duyệt quy hoạch vùng phát triển chăn nuôi, các cơ sở
giết mổ tập trung giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng
đến năm 2020 huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Quyết định số 394/QĐ-TTg ngày 13/3/2006 của Thủ tướng Chính phủ về khuyến khích đầu tư xây dựng mới, mở rộng cơ sở giết mổ chế biến gia súc, gia cầm và cơ sở chăn nuôi gia cầm tập trung công nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 01/2008/QĐ-UBND ngày 03/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi; Quyết định số 03/2008/QĐ-UBND ngày 10/01/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc quy định về điều kiện giết mổ, buôn bán, vận chuyển động vật và sản phẩm động vật trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 4071/QĐ-UBND ngày 02/12/2008 của UBND tỉnh Đồng Nai về việc phê duyệt đề cương, dự toán quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2008 - 2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

Xét đề nghị của UBND huyện Xuân Lộc tại Tờ trình số 103/TTr-UBND ngày 08/10/2009, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2084/SNN-NN ngày 09/10/2009 về việc phê duyệt quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt báo cáo quy hoạch vùng phát triển chăn nuôi, các cơ sở giết mổ tập trung giai đoạn 2009 - 2015 và định hướng đến năm 2020 huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai với các nội dung chủ yếu sau:

1. Quan điểm phát triển ngành chăn nuôi:

- Chăn nuôi là ngành kinh tế quan trọng trong sản xuất nông nghiệp, tăng tỷ trọng chăn nuôi là giải pháp chủ yếu để duy trì và nâng cao giá trị của sản xuất nông nghiệp.

- Phát triển chăn nuôi phải gắn với bảo vệ môi trường và cải tạo môi trường đất trồng trọt. Chuyển đổi phương thức chăn nuôi với các giải pháp xử lý chất thải bằng các công nghệ phù hợp nhằm giảm ô nhiễm môi trường chăn nuôi và môi trường sống. Chất thải chăn nuôi được xử lý cung cấp nguồn năng lượng sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất nông nghiệp và nông thôn.

- Áp dụng công nghệ tiên tiến, từng bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa ngành chăn nuôi theo hướng trang trại và nâng cao hiệu quả, khả năng kiểm soát dịch bệnh.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để các hộ chăn nuôi trong huyện chuyển nhanh chăn nuôi phân tán, quy mô nhỏ thành các trang trại chăn nuôi tập trung với quy mô lớn. Từng bước di dời các trang trại chăn nuôi ở các khu vực cấm nuôi sang các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi. Xây dựng cơ sở hạ tầng, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng các cơ sở sản xuất phân vi sinh hữu cơ sử dụng nguyên liệu từ chất thải chăn nuôi, sử dụng năng lượng sinh học.

- Phát huy lợi thế của từng tiểu vùng trên địa bàn, nguồn lực và kết quả và kinh nghiệm nuôi của từng trang trại, nhu cầu thực tế của thị trường; khuyến khích các tổ chức và cá nhân đầu tư phát triển chăn nuôi, trong đó chăn nuôi trang trại là xu hướng chủ đạo, đặc biệt chú trọng phát triển 2 loại vật nuôi có lợi thế nhất trên địa bàn huyện là heo, gà, tạo ra sản phẩm có chất lượng tốt, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đảm bảo sản xuất lâu dài và ổn định.

- Nhà nước tạo môi trường thuận lợi cho ngành chăn nuôi phát triển ổn định và bền vững với cơ chế chính sách phù hợp để khuyến khích mọi thành phần kinh tế đầu tư cho nghiên cứu khoa học kỹ thuật, sản xuất giống chất lượng cao, xây dựng cơ sở chế biến sản phẩm chăn nuôi, sản xuất thức ăn, thuốc thú y, sản xuất phân bón từ nguồn chất thải chăn nuôi, tăng cường hệ thống quản lý Nhà nước và hệ thống giám sát sản phẩm chăn nuôi và thú y để các văn bản pháp luật và chính sách được thực thi một cách hiệu lực và hiệu quả cao.

2. Mục tiêu và phương hướng phát triển

a) Mục tiêu phát triển:

- Đạt tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất ngành chăn nuôi từ 9 - 10% giai đoạn 2009 - 2010 và 8,5 - 9,0% giai đoạn 2011 - 2020. Đưa tỷ trọng GTSX ngành chăn nuôi từ 34% năm 2008 lên 39 - 40% năm 2010; 45 - 48% năm 2015 và 55 - 60% năm 2020.

- Chú trọng phát triển CNTT, đưa tỷ lệ đàn heo CNTT từ 24,7% hiện nay lên 30 - 32% năm 2010 và 60 - 70% vào năm 2015, tiến tới hầu hết được CNTT vào cuối giai đoạn 2016 - 2020. Tỷ lệ đàn gia cầm nuôi tập trung tăng tương ứng từ 62,3% hiện nay lên 68 - 70% năm 2010, khoảng 85 - 90% vào năm 2015 và hầu hết được chăn nuôi tập trung vào giai đoạn 2016 - 2020.

b) Phương hướng phát triển:

Phù hợp với định hướng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của huyện Xuân Lộc, quy hoạch của ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

3. Quy mô phát triển ngành chăn nuôi:

Trên địa bàn huyện Xuân Lộc, về lâu dài chỉ phát triển chăn nuôi trên địa bàn các xã. Quy mô phát triển đàn heo và đàn gà đến năm 2020 như sau:

+ Đàn heo: Tăng từ 157.543 con năm 2008 lên 180.371 con năm 2010, lên 323.000 con năm 2015 và 453.100 con năm 2020.

+ Đàn gà: Tăng từ 769.978 con năm 2008, lên khoảng 858.500 năm 2010, lên 1.234.800 con năm 2015 và 1.613.200 con năm 2020.

+ Đàn bò: Tăng từ 28.015 con năm 2008, lên khoảng 30.098 năm 2010, lên 34.303 con năm 2015 và 39.116 con năm 2020.

4. Quy hoạch các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I:

Tổng diện tích quy hoạch cho phát triển các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi trên địa bàn toàn huyện theo phương án chọn là: 3.982 ha, bao gồm 25 khu, cụ thể như sau:

- Xã Xuân Bắc: Diện tích 326 ha; gồm 02 vùng:

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp 1: Diện tích 8 ha. Dự kiến nâng cấp tuyến đường đất thành đường trục (dài 01 km) và đường trung thế (dài 1 km).

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp 2B: Diện tích 318 ha. Dự kiến xây dựng 3,6 km đường trục, 4,2 km đường trung thế, 4,2 km đường hạ thế.

- Xã Suối Cao: Diện tích 535 ha; gồm 02 vùng:

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I Chà Rang, ấp Cây Da: Diện tích 484 ha (tiểu khu 1: 250 ha, tiểu khu 2: 234 ha). Dự kiến nâng cấp 2,7 km đường trục; 10,2 km đường nhánh; 3,4 km đường trung thế.

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Bàu Sinh: Diện tích 51 ha. Dự kiến xây dựng 02 km đường trục, 3,1 km đường nhánh; 01 km đường trung thế và 3,1 km đường hạ thế.

- Xã Xuân Thành: Diện tích 340 ha; gồm 03 vùng:

+ Khu CNTT của Donataba: Khu vực này có diện tích 131 ha, bao gồm cả chăn nuôi và trồng trọt và đang được quy hoạch chi tiết.

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Tân Hợp: Diện tích 138 ha. Đầu tư tuyến đường trục 2,3 km, đường nhánh dài 2,9 km, kéo đường trung thế dài 2,3 km, hạ thế dài 2,9 km.

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Tân Hòa: Diện tích 71 ha. Đầu tư tuyến đường nhánh dài 2,4 km, kéo đường trung thế dài 0,9 km, hạ thế dài 2,4 km.

- Xã Xuân Thọ: Diện tích 362 ha; gồm 03 vùng:

+ Khu vực khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Thọ Hòa: Diện tích 123 ha. Đầu tư: Đường trục (dài 1,7 km), đường nhánh 3,1 km; kéo điện vào (trung thế 1,1 km, hạ thế 3,5 km). Có thể ưu tiên triển khai sớm.

+ Khu vực khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Thọ Lộc: Diện tích 59 ha. Đầu tư: 1,4 km đường trục, 2,8 km đường nhánh, kéo 1,4 km điện trung thế và 2,8 km điện hạ thế.

+ Khu vực khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Thọ Bình: Diện tích 180 ha. Đầu tư nâng cấp 1,8 km đường đất thành đường trục, xây dựng 4,2 km đường nhánh; kéo điện trung thế dài 1,7 km và hạ thế 4,2 km.

- Xã Xuân Trường: Diện tích 166 ha; gồm 01 vùng:

- Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Trung Tín: Diện tích 166 ha. Hiện có 01 tuyến đường đất nối TL 766 với khu vực. Sẽ nâng cấp tuyến đường này thành đường trục (dài 2,5 km), làm mới 3,4 km đường nhánh; kéo tuyến trung thế dài 1,2 km cấp theo tuyến đường trục và hạ thế 3,4 km.

- Xã Xuân Định: Diện tích 82 ha; gồm 02 vùng:

+ Khu vực khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Bảo Định: Diện tích 29 ha. Dự kiến xây dựng tuyến đường trục dài 0,7 km, đường nhánh 1,9 km, đường điện hạ thế 1,9 km.

+ Khu vực khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Bảo Thị: Diện tích 53 ha. Dự kiến xây dựng tuyến đường trục dài 1,2 km, đường nhánh 2,3 km, đường điện trung thế 1,2 km, hạ thế 2,3 km.

- Xã Bảo Hòa: Diện tích 141 ha; gồm 01 vùng:

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I Đồi Sọ ấp Bung Càn: Diện tích 141 ha. Dự kiến xây dựng 4,5 km đường nhánh; 1,7 km đường điện trung thế; 4,5 km đường điện hạ thế.

- Xã Xuân Phú: Diện tích 409 ha; gồm 01 vùng:

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Bình Hòa: Diện tích 409 ha. Dự kiến xây dựng 2,7 km đường trục (nâng cấp từ tuyến đã có); 7,8 km đường nhánh; 2,2 km đường điện trung thế, 7,8 km đường điện hạ thế.

- Xã Suối Cát: Diện tích 39 ha; gồm 01 vùng:

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Suối Cát: Diện tích 39 ha. Dự kiến xây dựng 01 km đường trục, 1,5 km đường nhánh, 0,7 km đường điện trung thế, 1,45 km đường điện hạ thế.

- Xã Xuân Hiệp: Diện tích 265 ha; gồm 01 vùng:

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I Đồi Gia Măng: Diện tích 265 ha. Dự kiến nâng cấp 2,8 km đường đất thành đường trục, xây dựng thêm khoảng 5,2 km đường nhánh; 1,9 km đường điện trung thế và 5,1 km đường hạ thế.

- Xã Lang Minh: Diện tích 68 ha; gồm 01 vùng:

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp Tây Minh: Diện tích 68 ha. Dự kiến nâng cấp tuyến đường trục dài 1,2 km, làm mới 2,8 km đường nhánh, đường điện trung thế 1,2 km, hạ thế 2,8 km.

- Xã Xuân Tâm: Diện tích 391 ha; gồm 03 vùng:

+ Vùng quy hoạch chăn nuôi của Donataba: Diện tích 180 ha, bao gồm cả chăn nuôi và trồng trọt và đang được quy hoạch chi tiết.

+ Vùng phát triển chăn nuôi giai đoạn I của hội làm vườn ấp 6: Diện tích 74 ha. Đầu tư nâng cấp tuyến đường trục dài 2,35 km, đường nhánh 2,2 km, kéo dài thêm đường trung thế 0,5 km và hạ thế 3,1 km.

+ Khu khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp 1: Diện tích 137 ha. Đầu tư nâng cấp tuyến đường trục dài 4,4 km, đường nhánh 2,4 km, kéo tuyến trung thế dài 3,8 km và hạ thế dài 3,2 km.

- Xã Xuân Hưng: Diện tích 601 ha; gồm 03 vùng:

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp 1: Diện tích 204 ha. Dự kiến nâng cấp tuyến đường trục dài 2,6 km, đường nhánh 2,4 km, kéo dài thêm đường trung thế 1,6 km và hạ thế 2,4 km.

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp 4: Diện tích 135 ha. Dự kiến nâng cấp tuyến đường trục dài 3,5 km, đường nhánh 3,8 km, kéo tuyến trung thế dài thêm 0,5 km và hạ thế dài 3,8 km.

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp 2: Diện tích 262 ha. Dự kiến sẽ xây dựng tuyến đường trục dài 3,5 km, đường nhánh 3,8 km, kéo dài thêm đường trung thế 2,7 km và hạ thế 3,8 km.

- Xã Xuân Hòa: Diện tích 257 ha; gồm 01 vùng:

+ Vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I ấp 1: Diện tích 257 ha. Đầu tư nâng cấp tuyến đường trục dài 1,6 km, đường nhánh 2,8 km, kéo dài thêm đường trung thế 1,6 km và hạ thế 2,8 km.

Dự kiến các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn I
trên địa bàn huyện Xuân Lộc đến năm 2020

STT	Các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi	Địa điểm (xã)	Diện tích QH (ha)
1	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp 1	Xuân Bắc	8
2	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp 2B	Xuân Bắc	318
3	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI Chà Rang, ấp Cây Đa	Suối Cao	484
4	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Bàu Sinh	Suối Cao	51
5	- Khu CNTT của Donataba	Xuân Thành	131
6	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Tân Hợp	Xuân Thành	138
7	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Tân Hòa	Xuân Thành	71
8	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Thọ Hòa	Xuân Thọ	123

STT	Các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi	Địa điểm (xã)	Diện tích QH (ha)
9	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Thọ Lộc	Xuân Thọ	59
10	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Thọ Bình	Xuân Thọ	180
11	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Trung Tín	Xuân Trường	166
12	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Bảo Định	Xuân Định	29
13	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Bảo Thị	Xuân Định	53
14	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI Đồi Sọ ấp Bưng Càn	Bảo Hòa	141
15	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Bình Hòa	Xuân Phú	409
16	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Suối Cát	Suối Cát	39
17	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI Đồi Gia Măng	Xuân Hiệp	265
18	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp Tây Minh	Lang Minh	68
19	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI Hội làm vườn ấp 6	Xuân Tâm	74
20	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp 1	Xuân Tâm	137
21	- Khu QH của Donataba	Xuân Tâm	180
22	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp 1 (đồi Bằng Lăng)	Xuân Hưng	204
23	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp 4	Xuân Hưng	135
24	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp 2 + 2A	Xuân Hưng	262
25	- Vùng khuyến khích PTCN GĐI ấp 1	Xuân Hòa	257
Tổng cộng			3.982

5. Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn II:

Tổng diện tích quy hoạch cho phát triển các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi giai đoạn II trên địa bàn toàn huyện là 13.986 ha, chiếm 77,83% vùng KKPTCN. Tập trung chủ yếu ở các xã Xuân Bắc (1.292 ha), xã Suối Cao (780 ha), xã Xuân Thành (907 ha), xã Xuân Thọ (95 ha), xã Xuân Trường (593 ha), xã Xuân Định (18 ha), xã Bảo Hòa (172 ha), xã Xuân Phú (536 ha), xã Xuân Hiệp (129 ha), xã Lang Minh (202 ha), xã Xuân Tâm (288 ha), xã Xuân Hưng (3.272 ha), xã Xuân Hòa (5.699 ha), xã Suối Cát (03 ha).

6. Quy hoạch các cơ sở giết mổ tập trung:

Quy hoạch 6 cơ sở giết mổ tập trung, phân bố trên địa bàn xã Xuân Định, xã Xuân Phú, xã Xuân Bắc, xã Xuân Hiệp, xã Xuân Hưng, xã Xuân Thành và xã Suối Cao với quy mô mỗi cơ sở giết mổ là 02 ha. Vị trí mỗi điểm được thể hiện trên bản đồ quy hoạch.

7. Tiến độ phát triển chăn nuôi, xây dựng các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi và khu giết mổ tập trung:

- Phân kỳ phát triển: Phân kỳ theo các kế hoạch trung hạn, bao gồm 03 giai đoạn: Giai đoạn 2008 - 2010, 2011 - 2015, 2016 - 2020.

- Các trọng tâm cần thực hiện trong giai đoạn 2008 - 2010:

+ Ổn định sản xuất, tổ chức di dời các cơ sở chăn nuôi nằm trong phạm vi cấm nuôi sang các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi một cách thuận lợi. Xây dựng các hợp tác xã dịch vụ chăn nuôi, nâng quy mô sản xuất, sản xuất thức ăn, tiêu thụ sản phẩm.

+ Xây dựng cơ sở hạ tầng đến các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi nằm ở khu vực trọng điểm.

+ Triển khai các dự án ưu tiên đầu tư về xây dựng cơ sở hạ tầng vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi ở địa bàn trọng điểm.

+ Triển khai các mô hình chăn nuôi tiên tiến, các mô hình xử lý chất thải, chăn nuôi kết hợp trồng trọt và nuôi cá.

+ Tăng cường quản lý dịch bệnh, kiểm dịch động vật, tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm, đặc biệt với các nguồn hàng qua huyện và các cơ sở chăn nuôi nhỏ.

- Giai đoạn sau 2010:

Đẩy mạnh công nghiệp hóa và hiện đại hóa phát triển chăn nuôi đạt trình độ khu vực, tăng sức cạnh tranh để có thể vươn ra thị trường xuất khẩu.

+ Công nghiệp hóa: Khuyến khích tích tụ sản xuất, tăng quy mô đàn gia súc trong từng trại, cơ giới hóa và điện khí hóa các khâu vận chuyển, tự động hóa khâu cung cấp thức ăn, nước uống.

+ Hiện đại hóa: Ứng dụng rộng rãi công nghệ chăn nuôi theo quy trình chăn nuôi an toàn, chuồng kín. Hiện đại hóa khâu giết mổ đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của từng thị trường. Kiểm soát chặt chẽ vệ sinh an toàn thực phẩm theo các tiêu chuẩn chất lượng của khu vực.

+ Đẩy mạnh hợp tác trong sản xuất, tiêu thụ và giết mổ gia súc. Trong mỗi khu chăn nuôi tập trung đều có tổ hợp tác hoặc hợp tác xã.

+ Kiểm soát chặt chẽ giết mổ, khép kín từ sản xuất đến chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển chăn nuôi với trồng trọt, đặc biệt là trong sử dụng các phụ phẩm chăn nuôi cho phát triển trồng trọt bền vững.

+ Đảm bảo xử lý môi trường theo Luật Môi trường. Đẩy mạnh bảo vệ và tôn tạo cảnh quan ở các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

+ Nâng cấp đồng bộ cơ sở hạ tầng trong và ngoài khu chăn nuôi tập trung.

+ Đưa Internet vào các khu chăn nuôi tập trung, giúp các trang trại cập nhật nhanh chóng các thông tin về tiến bộ kỹ thuật, công nghệ, mô hình xây dựng chuồng trại, các tiêu chuẩn vệ sinh an toàn thực phẩm, các tiêu chuẩn về thức ăn, con giống, các thông tin về thị trường tiêu thụ...

8. Vốn đầu tư

Vốn đầu tư cụ thể cho từng khu quy hoạch chăn nuôi tập trung, từng dự án sẽ được tính toán cụ thể khi tiến hành xây dựng dự án.

9. Hiệu quả kinh tế, xã hội và môi trường

a) Hiệu quả kinh tế

Ước tính hiệu quả kinh tế chăn nuôi các loại vật nuôi chính giai đoạn từ năm 2008 - 2020 huyện Xuân Lộc như sau:

Ước tính hiệu quả kinh tế chăn nuôi các loại vật nuôi chính
giai đoạn từ 2008 - 2020 huyện Xuân Lộc

Hạng mục	ĐVT	Năm quy hoạch			
		2008	2010	2015	2020
1. Sản lượng					
1.1. Sản lượng thịt hơi		34.554	40.712	60.470	89.930
1.1.1. Thịt heo	Tấn	30.375	36.090	54.270	81.600
1.1.2. Thịt gia cầm	Tấn	1.620	1.960	3.200	5.080
1.1.3. Thịt trâu, bò	Tấn	2.559	2.662	3.000	3.250
1.2. Trứng gia cầm	1000 quả	9.530	10.910	15.300	21.500
2. Giá trị sản xuất chăn nuôi	Tỷ đồng	848,4	1.026	1.544	2.321
Tốc độ bình quân	%/năm		10,0	8,5	7,5
3. GTSX chăn nuôi/lao động CN	Triệu đ/ng	251	320	510	800

b) Hiệu quả xã hội

- Tăng tỷ lệ hộ giàu nhờ phát triển ổn định chăn nuôi trang trại, là ngành sản xuất nông nghiệp cho hiệu quả cao. Tạo việc làm do tăng quy mô chăn nuôi nên giảm được hộ nghèo.

- Tính chất sản xuất công nghiệp và ứng dụng các công nghệ nuôi theo hướng công nghệ cao trong chăn nuôi ở các trang trại sẽ đóng góp tích cực vào xúc tiến lộ trình CNH, HĐH phát triển nông nghiệp, nông thôn của huyện.

- Đời sống đảm bảo, người lao động có việc làm, thu nhập ổn định sẽ giúp ổn định an ninh nông thôn.

- Cung cấp sản phẩm thịt trứng cho nhu cầu tiêu dùng, cung cấp nguyên liệu cho các ngành chế biến.

c) Hiệu quả môi trường

- Đưa chăn nuôi trong các khu dân cư ra bên ngoài, đảm bảo sức khỏe cho cộng đồng và mỹ quan khu dân cư.

- Khắc phục tình trạng ô nhiễm các khu dân cư, các cơ sở văn hóa, giáo dục y tế, các nguồn nước sinh hoạt.

- Nước rửa chuồng sau khi được xử lý được sử dụng tưới vào mùa khô, phân hữu cơ bón cho cây trồng giúp nâng cao chất lượng các sản phẩm trồng trọt và tuổi thọ vườn cây lâu năm. Cây cối xanh tốt vào mùa khô sẽ góp phần cải thiện vi khí hậu ở các khu vực CNTT và có ích cho diện rộng.

+ Tăng độ phì nhiêu đất đai, cải thiện độ tơi xốp, tăng hàm lượng hữu cơ cho đất canh tác trên địa bàn huyện và các địa phương khác.

+ Nguồn khí biogas được sử dụng đun nấu, phát điện, là những nguồn năng lượng sạch, giúp hạn chế xả khí thải vào môi trường.

10. Các giải pháp phát triển chăn nuôi, vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi và khu giết mổ tập trung

a) Giải pháp về môi trường:

Tăng cường các biện pháp quản lý để ngăn chặn gia tăng ô nhiễm và từng bước hạn chế ô nhiễm môi trường, quản lý môi trường theo Luật Môi trường:

- Các cơ sở chăn nuôi phải có cam kết tự xử lý môi trường đảm bảo yêu cầu về vệ sinh môi trường theo quy định của cơ quan chức năng về môi trường. Phải có tường rào ngăn cách trang trại với bên ngoài và chiều cao từ 02m trở lên. Không được xả chất thải, nước thải chưa được xử lý vào môi trường.

- Trước mắt ứng dụng các mô hình xử lý môi trường có hiệu quả và thiết thực như: Mô hình làm biogas, mô hình sử dụng hệ thống bể lắng, xả nước đã được xử lý theo hệ thống tiêu hoặc ra ao chứa...

- Về lâu dài, thử nghiệm mô hình xử lý hiện đại khác để ứng dụng rộng rãi các mô hình phù hợp như: Mô hình xử lý toàn bộ chất thải bằng phương pháp biogas kết hợp phát điện, xử lý chất thải chăn nuôi bằng công nghệ sinh học, sử dụng các chế phẩm sinh học bổ sung trong thức ăn chăn nuôi và ủ phân (nước CTAIR-1 và CTAIR-2) nhằm giảm ô nhiễm môi trường.

- Vận động bộ các công nghệ nuôi có nguy cơ gây ô nhiễm cao như phun nước cho gà, làm bể tắm cho heo...

- Vị trí xây dựng các trại chăn nuôi đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường và theo khoản 2 Điều 2 trong Pháp lệnh Thú y, riêng tỷ lệ cây xanh theo tiêu chuẩn TCVN 3772-83 (quy định, tỷ lệ cây xanh khoảng 35 - 40%) và đã được cụ thể hóa trong quy chế vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

b) Giải pháp về khoa học công nghệ:

+ Hiện đại hóa sản xuất là yêu cầu và cũng là điều kiện quyết định thành công trong cạnh tranh của ngành chăn nuôi. Trước mắt, tập trung cho công nghệ sản xuất thức ăn (với yêu cầu hạ giá thành, giúp tăng trọng nhanh), kiểm soát dịch bệnh, nhân giống và dịch vụ sử dụng giống tốt, xây dựng chuồng trại đáp ứng yêu cầu của các công nghệ nuôi tiên tiến một cách phù hợp với từng quy mô trang trại, mô hình xử lý chất thải cho từng loại vật nuôi và từng quy mô nuôi.

+ Hiện đại hóa khâu nuôi lợn đực giống, cung cấp con nái chất lượng cao cho các hộ nuôi thương phẩm, kết hợp tổ chức lai tạo tốt để nâng cao tỷ lệ thụ tinh so với hiện nay, giảm số lần thụ tinh và chi phí thụ tinh.

+ Cần ứng dụng nhanh các công nghệ quản lý và giám sát dịch bệnh. Kết hợp giữa phòng trừ dịch bệnh một cách nghiêm ngặt trên địa bàn với kiểm dịch một cách thường xuyên và xử lý thật nghiêm các nguồn lây bệnh từ bên ngoài.

+ Ứng dụng linh hoạt công nghệ xử lý chất thải chăn nuôi, sử dụng tốt nguồn chất thải từ chăn nuôi (làm khí biogas, sản xuất phân hữu cơ vi sinh). Nhanh chóng loại bỏ các công nghệ nuôi gây ô nhiễm môi trường (phun nước cho gà, làm ao tắm trong khuôn viên chuồng, không xây dựng các công trình xử lý chất thải).

+ Khuyến cáo các công nghệ nuôi tiên tiến, an toàn sinh học, theo mô hình chuồng kín, trước mắt với chăn nuôi gà công nghiệp và các trại chăn nuôi lợn có quy mô lớn, từng bước mở rộng phạm vi trên địa bàn huyện.

c) Giải pháp về huy động vốn cho xây dựng cơ sở hạ tầng và hỗ trợ vốn cho phát triển chăn nuôi:

- Vốn xây dựng cơ sở hạ tầng các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi và xây dựng các mô hình được lấy từ nguồn ngân sách và các chương trình nghiên cứu thử nghiệm, hỗ trợ các cơ sở chế biến phân hữu cơ vi sinh, kinh phí hoạt động của hiệp hội. Nhà sản xuất tự huy động vốn cho xây dựng chuồng trại, chi phí sản xuất kinh doanh từ các nguồn tự có, huy động từ người thân, vay từ ngân hàng, trợ giúp thân nhân nước ngoài...

+ Nhà nước tạo điều kiện cho các ngân hàng mở chi nhánh trên địa bàn huyện. Khuyến khích hình thành các tổ chức tín dụng nhân dân. Khuyến khích các nhà máy sản xuất thức ăn gia súc tăng quy mô chăn nuôi gia công trên địa bàn huyện.

+ Lồng ghép với chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng, chương trình 134, tranh thủ sự hỗ trợ từ các chương trình của Bộ Nông nghiệp và PTNT, trước mắt là chương trình chuyển giao các công nghệ nuôi heo và gà theo hướng an toàn sinh học và giảm thiểu ô nhiễm môi trường. Tạo điều kiện tốt về thủ tục đăng ký đầu tư và ưu đãi về đất đai.

d) Giải pháp về tổ chức phát triển chăn nuôi và triển khai dự án phát triển chăn nuôi, xây dựng vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi:

- Khuyến khích thành lập các tổ hợp tác, HTX chăn nuôi, nhất là ở các địa bàn trọng điểm chăn nuôi như các xã Xuân Đông, Xuân Tây, Sông Ray.

- Mở các lớp tập huấn về kiến thức kinh doanh và quản lý trang trại, quản lý hợp tác xã, với các kiến thức về quản lý, về marketing, phương pháp xây dựng thương hiệu, các công nghệ sản xuất và bảo vệ môi trường tiên tiến có thể áp dụng được vào địa bàn huyện...

- Cần tăng cường lực lượng cán bộ khuyến nông về chăn nuôi, cán bộ thú y trong mạng lưới khuyến nông và thú y đến tận thôn ấp (với các địa bàn trọng điểm), đảm bảo nâng cao hiệu lực quản lý thú y và hoạt động khuyến nông.

- Tranh thủ sự giúp đỡ của các cơ quan nghiên cứu, chuyên gia, các doanh nghiệp chế biến thức ăn chăn nuôi, giết mổ gia súc để ứng dụng nhanh các tiến bộ kỹ thuật, trợ giúp về vốn và tiêu thụ sản phẩm ổn định.

- Công bố quy hoạch đến từng xã và công khai tại các xã, các đơn vị có liên quan. Lồng ghép tiến độ xây dựng cơ sở hạ tầng trong quy hoạch này với chương trình phát triển cơ sở hạ tầng chung của huyện.

- Thành lập Ban Chỉ đạo xây dựng các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi. Trưởng ban là Lãnh đạo UBND huyện, Phó ban Thường trực và cơ quan Thường trực là phòng Nông nghiệp và PTNT, ủy viên là Lãnh đạo phòng Tài nguyên và Môi trường, phòng Công thương, Chủ tịch UBND các xã, Trưởng trạm Khuyến nông, Trưởng trạm Thú y. Đưa các chỉ tiêu phát triển chăn nuôi, chăn nuôi trang trại, giết mổ tập trung vào kế hoạch trung hạn và hàng năm, lồng ghép phát triển hạ tầng của dự án quy hoạch vào các chương trình phát triển của huyện. Triển khai các dự án xây dựng các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi.

e) Giải pháp về chính sách khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung và xúc tiến di dời các cơ sở chăn nuôi trong vùng cấm nuôi:

- Các chính sách hiện hữu có liên quan đến phát triển chăn nuôi: Các hộ chăn nuôi tại các vùng KKPTCN giai đoạn I được hưởng chính sách ưu đãi nhất về đất đai và đất xây dựng chuồng trại theo quy định. Được hỗ trợ từ nguồn vay ưu đãi cho xây dựng các công trình xử lý chất thải. Miễn thuế và hỗ trợ tiếp thị cho các cơ sở chế biến phân hữu cơ vi sinh từ nguồn chất thải trong chăn nuôi.

- Nghiên cứu đề xuất có chính sách hỗ trợ các chủ trang trại tiếp cận được nguồn vốn ưu đãi trong nước. Hỗ trợ lãi suất vay để sang nhượng quyền sử dụng đất và xây dựng chuồng trại và hỗ trợ 20 - 30% chi phí xây dựng chuồng trại với các hộ di dời.

- Nghiên cứu đề xuất chính sách giảm thuế nhập khẩu nguyên liệu chế biến thức ăn gia súc, vôi bột làm biogas và các vật tư kỹ thuật có liên quan đến phát triển chăn nuôi.

11. Cơ chế quản lý và đầu tư trong vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi:

Phát triển chăn nuôi gắn với trồng trọt tạo thể phát triển nông nghiệp bền vững, hiệu quả kinh tế đi đôi với bảo vệ môi trường và nhu cầu xã hội. Vì vậy, các chủ trang trại khi đầu tư phát triển chăn nuôi vào vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi có quyền và nghĩa vụ sau đây:

+ Nhà nước không thu hồi đất và giao đất cho sản xuất chăn nuôi mà các hộ có quyền chuyển nhượng để đầu tư phát triển trang trại.

+ Khi xây dựng chuồng trại, diện tích xây dựng so với khuôn viên trang trại không vượt quá 25% với trại heo và không vượt quá 40% với trại gà. Diện tích còn lại cần được duy trì cây lâu năm (nếu đã có), hoặc trồng mới, hoặc cải tạo vườn cũ. Trang trại phải có hàng rào theo đúng quy định.

+ Chủ trang trại không phải xin giấy phép xây dựng nhưng phải được thỏa thuận địa điểm chăn nuôi; không chuyển mục đích sử dụng đất nhưng phải khai báo biến động đất đai.

+ Chủ trang trại có trách nhiệm xử lý chất thải, nước thải, vệ sinh môi trường, đăng ký cam kết đảm bảo môi trường với phòng Tài nguyên và Môi trường.

+ Đất trong khu quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi không bắt buộc phải chuyển sang chăn nuôi, việc đầu tư phát triển chăn nuôi hay không do chủ sử dụng đất quyết định. Nhưng khuyến khích các hộ chuyển sang phát triển chăn nuôi hoặc sang nhượng cho hộ khác phát triển chăn nuôi.

+ Khuyến khích các chủ trang trại chăn nuôi đầu tư xây dựng chuồng trại theo hướng hiện đại, hợp lý, đặc biệt ủng hộ theo hướng xây dựng chuồng kín.

+ UBND huyện giao việc tổ chức và quản lý phát triển các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi cho UBND các xã, UBND các xã có thể thành lập ban quản lý, hợp tác xã chăn nuôi cho các vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi hoặc từng khu trên địa bàn xã, tùy theo tình hình thực tế của địa phương và có chủ trang trại tham gia để tự tổ chức quản lý theo đúng quy định của Nhà nước.

+ Quy hoạch vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi sẽ được công bố rộng rãi, công khai tại từng xã trên địa bàn huyện. Trong ranh giới từ đường biên vùng khuyến khích PTCN đến các công trình công cộng, nhà ở,... phải tuân thủ theo Quyết định 01/2008/QĐ-UBND (03/01/2008) của UBND tỉnh Đồng Nai (tránh tình trạng khu chăn nuôi xây dựng trước các hộ đến xây dựng nhà ở sau đó khiếu nại về ô nhiễm môi trường).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ quản đầu tư: UBND huyện Xuân Lộc.

2. Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc có trách nhiệm:

- Là cơ quan đầu mối, phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan thông báo rộng rãi quy hoạch theo quy định. Tổ chức triển khai thực hiện quy hoạch theo các nội dung của báo cáo quy hoạch.

- Xây dựng kế hoạch cụ thể, phân kỳ đầu tư hàng năm, sắp xếp thứ tự dự án ưu tiên đầu tư để từng bước triển khai thực hiện có hiệu quả cao nhất quy hoạch đề ra.

- Căn cứ vào nội dung chính của quy hoạch, phối hợp với các sở, ngành, các tổ chức, thành phần kinh tế huy động các nguồn lực để cân đối và triển khai thực hiện đầu tư kinh phí và thời gian phù hợp.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với chức năng nhiệm vụ được phân công, phối hợp với Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc và các sở, ngành liên quan triển khai thực hiện quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung; quản lý thực hiện quy hoạch, kiểm tra, đôn đốc các địa phương, các tổ chức, cá nhân thực hiện theo quy hoạch.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Tài nguyên và Môi trường, Khoa học và Công nghệ, Giao thông Vận tải, Xây dựng, Công thương, Chủ tịch UBND huyện Xuân Lộc và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ao Văn Thịnh